

Số: /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH Một thành viên tại Văn bản số 1156/TCTKV ngày 24 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 06/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 01 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH Một thành viên, địa chỉ tại số 118 Hùng Vương, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích, quy mô 35,58 ha” tại thôn Tân Phú, xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco - Ninh Ích, quy mô 35,58 ha.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Tân Phú, xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư/giấy tờ tương đương: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 4200486169, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 02 tháng 12 năm 2025 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa (*nay là Sở Tài chính*) cấp.

1.4. Mã số thuế: 4200486169

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng cụm công nghiệp và cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí tương đương với dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích của dự án: Tổng diện tích khu đất dự án là 35,58 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH Một thành viên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án theo kế hoạch đã đề xuất sau khi được cấp giấy phép môi trường để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2.5. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án đầu tư hoặc tại trụ sở UBND xã Nam Ninh Hòa.

2.6. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong giấy phép môi trường; việc nghiệm thu các công trình

xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực khác có liên quan.

2.7. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Nam Ninh Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.8. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra¹ có trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- TCT Khánh Việt - Công ty TNHH MTV;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nam Ninh Hòa;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP+TLe.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 894/QĐ-SNNMT ngày 10/11/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên của ban quản lý Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng dự án, cơ sở trong Cụm công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn sẽ tự chảy vào Hồ điều hòa, sau đó chảy ra Kênh thủy lợi Hốc Bò (thuộc địa phận thôn Tân Phú, xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung vào Hồ điều hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

Vị trí	X (m)	Y (m)
Điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau hệ thống xử lý từ CCN chảy vào Hồ điều hòa.	1371655,1	596100,3

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $750 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A. (Bảng 1, $F \leq 2000$ (đối với COD, BOD₅, TSS), Bảng 2 (đối với các thông số khác), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	≤40	03 tháng/lần	Quan trắc tự động đối với các thông số: pH, COD, TSS, nhiệt độ, Amoni, lưu lượng đầu vào và đầu ra
2	pH	-	6 – 9		
3	TSS	mg/L	≤40		
4	COD	mg/L	≤65		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤5		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	≤40		Không yêu cầu
7	Độ màu	Pt/Co	≤50		
8	Crom (VI)	mg/L	≤0,1		
9	Crom tổng	mg/L	≤0,5		
10	Xianua	mg/L	≤0,2		
11	Tổng phenol	mg/L	≤1,0		
12	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤1,0		
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤5,0		
14	Chất hoạt động bề mặt Anion	mg/L	≤3,0		
15	Sunfua	mg/L	≤0,2		
16	Tổng nitơ	mg/L	≤20		
17	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤4,0		
18	Clo dư	mg/L	≤1,0		
19	Coliforms	MPN hoặc CFU/100 mL	≤3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên của ban quản lý Cụm công nghiệp sẽ chảy vào đường ống UPVC D60, D90 sau đó dẫn vào các bể tự hoại 2 ngăn, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng dự án, cơ sở trong Cụm công nghiệp được thu gom theo đường ống HPDE D300, D350, D400 dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Mương lắng cát -Bể thu gom → Bể điều hòa→ Bể keo tụ, tạo bông, lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ điều hòa; Bùn → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → thu gom định kỳ.

- Công suất thiết kế giai đoạn 1: 750 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (99%), PAC, Anion Polymer, Cation Polymer, Cơ chất (mật rỉ), Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng : 01 hệ thống.

- Vị trí đặt: Trong nhà điều hành.

- Thông số quan trắc: pH, COD, TSS, nhiệt độ, Amoni, lưu lượng đầu vào và đầu ra.

- Tần suất: 5 phút/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT, cột A.

- Tần suất hiệu chỉnh thiết bị: 1 năm/lần.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có.

- Camera theo dõi: Phải lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng hồ sự cố với diện tích 1.600m^2 ($40\text{m} \times 40\text{m}$), dung tích 4.800m^3 .
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí, máy nén khí.
- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- Trường hợp mất điện lưới: Khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.
- Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt là mạng lưới thoát nước thải.
- Quy trình vận hành của hồ sự cố: Sự cố xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải → Ngưng vận hành hệ thống xử lý → Nước thải được bơm vào hồ sự cố → Khắc phục hệ thống xử lý nước thải → Xử lý 100% nước thải phát sinh hằng ngày + 10% nước thải từ hồ sự cố → Kiểm tra mẫu nước thải sau xử lý → Tiếp tục bơm và xử lý toàn bộ nước thải từ hồ sự cố trong 10 ngày.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp:

Đối với Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco và Nhà xưởng Xi nghiệp May Khatoco sẽ đầu nối nước thải chưa xử lý trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Đối với các đơn vị thứ cấp khác trong Cụm công nghiệp phải đảm bảo chất lượng nước thải đầu vào theo đúng tiêu chuẩn tiếp nhận, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của nước thải đầu vào
1	pH	-	5.5 - 9
2	Độ màu	Pt/Co	300
3	COD	mg/l	300

4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	100
5	TSS	mg/l	200
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
7	Tổng Nitơ	mg/l	80
8	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	12

Đối với các chỉ tiêu còn lại, nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp cần tuân thủ theo quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A (theo từng ngành nghề hoạt động cụ thể).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng (kể từ sau khi hoàn thiện việc đấu nối nước thải của các cơ sở về hệ thống xử lý nước thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 750 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại Mương lắng cát của hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại điểm 7 và điểm 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm 5 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.7. Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp quy định tại Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Phòng đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, độ rung phát sinh từ hoạt động của dự án phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo trì các máy móc thiết bị có khả năng gây tiếng ồn cao, thay thế các chi tiết bị mòn, rơ...

1.2. Trang bị thiết bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại các vị trí có phát sinh tiếng ồn.

1.3. Bọc các thiết bị chịu rung động bằng các vật liệu hút và giảm rung động có nội ma sát như cao su, amiăng, chất dẻo...

1.4. Sử dụng bộ giảm rung bằng lò xo hoặc cao su để cách rung động.

1.5. Sử dụng các loại lớp phủ cứng hoặc mềm để hút rung động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
2.	Pin, ắc quy thải	Rắn	3	16 01 12
3.	Bao bì mềm thải	Rắn	200	18 01 01
4.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	20	18 01 03
5.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
6.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn/Lỏng	10	17 02 03
Tổng			240	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Bùn nạo vét tại mương và hố ga thoát nước mưa trong Cụm công nghiệp. Khối lượng khoảng 500 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 550 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải mã chất thải 12 06 05. Khối lượng khoảng 283 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với chất thải rắn được lưu chứa trong thùng nhựa có nắp đậy, có dán tên và mã chất thải.

+ Đối với các chất thải lỏng khác, được lưu chứa trong phuy kim loại, có nắp đậy có dán tên và mã chất thải.

+ Đối với bùn thải sẽ được cho vào bao PE chống thấm, xếp gọn.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho có nền bê tông không bị thấm thấu và có gờ chống tràn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có dán nhãn, có biển cảnh báo, các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; khai báo khối lượng và tình hình quản lý chất thải nguy hại trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn tại mương nước mưa và hố ga sẽ được tiến hành nạo vét khi đầy.

- Không bố trí thiết bị lưu chứa và kho lưu chứa.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực tập kết:

Chủ dự án sẽ thỏa thuận với Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco để chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt đến khu vực lưu chứa của đơn vị này vào cuối mỗi ngày. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco sẽ là đơn vị đứng ra ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.